

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm non số 4

Mã ĐVQHNS: 1132908

Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 / Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
13	071	00000	0	3.877.000.000	0	3.861.000.000	3.861.000.000	1.006.470.830	1.922.960.177	0	0	16.000.000	1.938.039.823
18	071	00000	0	204.000.000	0	204.000.000	204.000.000	0	0	0	0	0	204.000.000
Cộng:			0	4.081.000.000	0	4.065.000.000	4.065.000.000	1.006.470.830	1.922.960.177	0	0	16.000.000	2.142.039.823

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

Tam06 Nguyen Thi Thanh



(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Lê Thị Thu
Ngày ký: 30/06/2025
Đơn vị: Trường Mầm non số 4

Người ký: Trần Thanh Hà
Ngày ký: 30/06/2025
Đơn vị: Trường Mầm non số 4

Lê Thị Thu

Trần Thanh Hà

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 6 Năm 2025

Tên đơn vị: Trường Mầm non số 4

Mã ĐVQHNS: 1132908

Địa chỉ:

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3716.3.1132908.00000				
Số dư đầu kỳ	84.005.232			
Phát sinh tăng trong kỳ	110.110.000			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	194.115.232			
Tài khoản: 3713.0.1132908.00000				
Số dư đầu kỳ	39.703.622			
Phát sinh tăng trong kỳ	27.350.000			
Phát sinh giảm trong kỳ	7.370.000			
Số dư cuối kỳ	59.683.622			
Tài khoản: 3717.4.1132908.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 27 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

Tam06 Nguyễn Thị Thanh

**ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**

Ngày 27 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Lê Thị Thu
Ngày ký: 27/06/2025 07:30:39
Đơn vị: Trường Mầm non số 4Người ký: Trần Thanh Hà
Ngày ký: 27/06/2025 07:34:53
Đơn vị: Trường Mầm non số 4

Lê Thị Thu

Trần Thanh Hà

Mã chương: 622

Mẫu số 20c

Đơn vị: Trường Mầm non số 4

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

Mã ĐVQHNS: 1132908

Mã cấp NS: 3

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	518.346.774	988.300.680	518.346.774	988.300.680
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	14.820.000	28.158.000	14.820.000	28.158.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	071	6105	00000	0	0	23.091.157	49.579.628	23.091.157	49.579.628
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	179.163.660	340.871.115	179.163.660	340.871.115
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	702.000	1.404.000	702.000	1.404.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	50.412.985	96.587.725	50.412.985	96.587.725
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	4.450.000	8.500.000	4.450.000	8.500.000
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	102.439.335	195.096.007	102.439.335	195.096.007
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	17.561.034	33.445.040	17.561.034	33.445.040
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	8.083.031	18.672.366	8.083.031	18.672.366
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	5.853.677	11.148.345	5.853.677	11.148.345
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	38.500.000	80.500.000	38.500.000	80.500.000
Tiền nước	13	071	6502	00000	0	0	2.562.085	7.068.820	2.562.085	7.068.820
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	11.226.363	14.698.133	11.226.363	14.698.133
Tiền vệ sinh, môi trường	13	071	6504	00000	0	0	1.148.729	2.680.368	1.148.729	2.680.368
Văn phòng phẩm	13	071	6551	00000	0	0	5.008.000	5.008.000	5.008.000	5.008.000

Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	071	6601	00000	0	0	0	5.779.950	0	5.779.950
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	13	071	6605	00000	0	0	0	2.860.000	0	2.860.000
Khác	13	071	6649	00000	0	0	0	1.500.000	0	1.500.000
Thuê đào tạo lại cán bộ	13	071	6758	00000	0	0	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000
Nhà cửa	13	071	6907	00000	0	0	19.602.000	19.602.000	19.602.000	19.602.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	071	7053	00000	0	0	0	8.000.000	0	8.000.000
Cộng:					0	0	1.006.470.830	1.922.960.177	1.006.470.830	1.922.960.177
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 06 tháng 6 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Tam06 Nguyễn Thị Thanh



ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 6 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Lê Thị Thu
Ngày ký: 30/06/2025 07:47:10
Đơn vị: Trường Mầm non số 4

Người ký: Trần Thanh Hà
Ngày ký: 30/06/2025 07:34:13
Đơn vị: Trường Mầm non số 4

Lê Thị Thu

Trần Thanh Hà